

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 89/2023/DS-ST
Ngày: 29/5/2023
(V/v tranh chấp hợp đồng góp hui)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Tư;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh;
- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Ngọc - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 22 và 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 29/2023/TLST – DS ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2023/QĐST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tấn L, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trương Văn T (tên gọi khác: Trương Thanh T1), sinh năm 1974;

2.2. Bà Dương Thị Lê P1, sinh năm 1973. Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang (cùng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 03/02/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà [Huỳnh Thị P](#) ủy quyền cho ông [Lê Tấn L](#) trình bày:*

Bà [Huỳnh Thị P](#) có làm chủ thảo nhiều dây hụi, trong đó có vợ chồng ông [Trương Văn T](#) và bà [Dương Thị Lê P1](#) tham gia. Sau khi hết các dây hụi ông [Trương Văn T](#) và bà [Dương Thị Lê P1](#) không thực hiện nghĩa vụ đóng lại tiền hụi chết theo thỏa thuận. Hiện các dây hụi đã mãn, bà [Huỳnh Thị P](#) nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông [Trương Văn T](#) và bà [Dương Thị Lê P1](#) hứa hẹn nhiều lần không thực hiện nghĩa vụ góp hụi. Ngày 10/12/2022 âm lịch, ông [T](#) có ký vào biên nhận thừa nhận vợ chồng còn nợ bà [Huỳnh Thị P](#) số tiền hụi 871.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng tính từ ngày 10/12/2022 nhưng đến nay không thực hiện. Đến nay bà [Huỳnh Thị P](#) đã đòi tiền nhiều lần nhưng ông [Trương Văn T](#) và bà [Dương Thị Lê P1](#) tránh mặt, không trả.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông [Trương Văn T](#) và bà [Dương Thị Lê P1](#) liên đới trả cho bà [Huỳnh Thị P](#) số tiền 871.000.000 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo, thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhưng ông [Trương Văn T](#) và bà [Dương Thị Lê P1](#) vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà [Huỳnh Thị P](#).

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng thủ tục tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà [Huỳnh Thị P](#). Buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn ông [Trương Văn T](#) và bà [Dương Thị Lê P1](#) đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ 02 không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy bà [Huỳnh Thị P](#) khởi kiện yêu cầu ông [Trương Văn T](#) và bà [Dương Thị Lê P1](#) trả tiền góp hụi còn thiếu nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn bà [Huỳnh Thị P](#) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông [Trương Văn T](#) và bà [Dương Thị Lê P1](#) vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Giao dịch dân sự về việc tham gia góp hụi và nghĩa vụ trả tiền góp hụi giữa bà [Huỳnh Thị P](#) với ông [Trương Văn T](#) và bà [Dương Thị Lê P1](#) được lập thành văn bản ghi ngày 10/12/2022 thể hiện ông [Trương Văn T](#) và bà [Dương Thị Lê P1](#) còn nợ bà [P](#) 871.000.000 đồng tiền góp hụi, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông [Trương Văn T](#) và bà [Dương Thị Lê P1](#) còn nợ bà [P](#) tiền góp hụi là có thật.

3.2. Do ông [Trương Văn T](#) và bà [Dương Thị Lê P1](#) vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nên bà [Huỳnh Thị P](#) yêu cầu trả lại số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP quy định về họ, hụi, biếu, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông [Trương Văn T](#) và bà [Dương Thị Lê P1](#) phải trả lại cho bà [P](#) số tiền 871.000.000 đồng.

[4] Xét bà [P](#) yêu cầu ông [Trương Văn T](#) và bà [Dương Thị Lê P1](#) liên đới trả tiền, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo biên bản xác minh ngày 11/5/2023 tại [Ủy ban nhân dân xã N](#), thì ông [Trương Văn T](#) và bà [Dương Thị Lê P1](#) là vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2000 tại [Ủy ban nhân dân xã N](#). Tại biên nhận 10/12/2022, ông [Trương Văn T](#) thừa nhận vợ chồng còn nợ bà [Huỳnh Thị P](#) 871.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông [Trương Văn T](#) và bà [Dương Thị Lê P1](#) không có văn bản trình bày ý kiến phản đối yêu cầu của bà [Huỳnh Thị P](#). Căn cứ Điều 288 Bộ Luật dân sự, Điều 27, 37 luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà [Huỳnh Thị P](#).

[5] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông [Trương Văn T](#) và bà [Dương Thị Lê P1](#) không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà [Huỳnh Thị P](#) và vắng mặt không lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi của việc từ chối tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Trường hợp ông [Trương Văn T](#) và bà [Dương Thị Lê P1](#) có tranh chấp về quyền lợi, nghĩa vụ với nhau hoặc với bà [Huỳnh Thị P](#) thì tự thỏa thuận hoặc yêu cầu giải quyết quyền lợi theo quy định pháp luật.

[6] Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 08/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy để đảm bảo tài sản thi hành án cho đến khi có quyết định khác thay thế.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nội dung vụ án, phù hợp quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Ông [Trương Văn T](#) và bà [Dương Thị Lê P1](#) phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án do yêu cầu của bà [Huỳnh Thị P](#) được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP quy định về về ho, hụi, biếu, phúng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P.

1. Buộc ông Trương Văn T và bà Dương Thị Lê P1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị P số tiền 871.000.000 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Huỳnh Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trương Văn T và bà Dương Thị Lê P1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Ông Trương Văn T và bà Dương Thị Lê P1 phải liên đới chịu 38.130.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 08/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy cho đến khi có quyết định khác thay thế.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Phúc

